

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 9184
	Giờ: Ngày 26 tháng 3 năm 12

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thông tin về Công ty

Quyết định số

2405/QĐ-CT.UB

ngày 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh**

Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 13 tháng 9 năm 2011.

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Việt Nga
Bà Lê Minh Hồng
Ông Lê Chánh Đạo
Ông Đoàn Đình Duy Khương
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan
Ông Nguyễn Như Song
Ông Lê Đình Bửu Trí
Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Việt Nga
Bà Lê Minh Hồng
Ông Lê Chánh Đạo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Ánh Như
Ông Trần Quốc Hưng
Ông Đàm Mạnh Cường

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-023



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.490.691.786.181	1.442.034.118.769
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	467.084.218.098	642.519.118.992
Tiền	111		343.614.925.745	286.505.741.815
Các khoản tương đương tiền	112		123.469.292.353	356.013.377.177
Các khoản phải thu	130	4	489.939.062.124	446.197.923.622
Phải thu khách hàng	131		340.585.766.770	306.719.736.511
Trả trước cho người bán	132		79.032.748.156	28.193.510.841
Các khoản phải thu khác	135		73.173.069.305	117.510.052.422
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.852.522.107)	(6.225.376.152)
Hàng tồn kho	140	5	515.191.425.774	347.099.608.749
Hàng tồn kho	141		519.861.087.569	350.125.465.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.669.661.795)	(3.025.856.755)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.477.080.185	6.217.467.406
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.431.601.904	1.283.164.897
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.301.209.672	408.648
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	6	4.108.142.811	439.785.275
Tài sản ngắn hạn khác	158		8.636.125.798	4.494.108.586

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản dài hạn	200		505.014.880.878	377.700.975.901
Tài sản cố định	220		459.454.490.641	303.438.987.167
Tài sản cố định hữu hình	221	7	255.330.772.673	167.840.794.676
Nguyên giá	222		443.230.788.716	310.198.804.023
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(187.900.016.043)	(142.358.009.347)
Tài sản cố định vô hình	227	8	157.377.310.396	127.878.195.760
Nguyên giá	228		163.249.725.488	131.894.976.812
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.872.415.092)	(4.016.781.052)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	46.746.407.572	7.719.996.731
Bất động sản đầu tư	240	10	-	6.456.882.120
Nguyên giá	241		-	7.784.646.717
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(1.327.764.597)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	17.473.451.017	39.979.249.420
Đầu tư vào công ty liên kết	252		10.086.282.266	32.592.080.669
Đầu tư dài hạn khác	258		11.901.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.513.881.449)	(4.513.881.449)
Tài sản dài hạn khác	260		28.086.939.220	27.825.857.194
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	20.446.170.185	22.430.416.454
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	5.509.693.831	3.785.465.288
Tài sản dài hạn khác	268		2.131.075.204	1.609.975.452
TỔNG TÀI SẢN	270		1.995.706.667.059	1.819.735.094.670

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

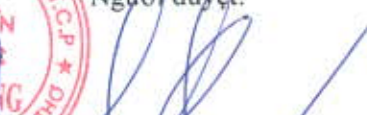
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		602.248.423.265	530.696.724.099
Nợ ngắn hạn	310		544.024.124.947	471.555.878.347
Vay ngắn hạn	311	13	21.115.601.324	12.802.412.973
Phải trả người bán	312	14	123.618.564.257	86.290.700.781
Người mua trả tiền trước	313		720.929.252	1.413.080.380
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	15	28.297.625.312	40.019.223.841
Phải trả người lao động	315		125.958.570.389	100.633.206.342
Chi phí phải trả	316	16	165.931.042.238	168.781.105.434
Các khoản phải trả khác	319		33.834.092.563	32.127.453.214
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	44.547.699.612	29.488.695.382
Nợ dài hạn	330		58.224.298.318	59.140.845.752
Doanh thu chưa thực hiện	333		-	119.417.273
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	33.818.985.521	21.163.637.977
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	19	24.405.312.797	37.857.790.502
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.381.546.863.475	1.280.322.125.140
Vốn chủ sở hữu	410		1.381.546.863.475	1.280.322.125.140
Vốn cổ phần	411	20	651.764.290.000	269.129.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	378.761.392.824
Cổ phiếu quỹ	414	20	(455.850.000)	(455.850.000)
Quỹ đầu tư phát triển	416		286.384.048.884	204.329.442.743
Quỹ dự phòng tài chính	418		66.541.621.663	64.215.412.933
Lợi nhuận chưa phân phối	420		377.312.752.928	364.342.106.640
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SÓ	439	21	11.911.380.319	8.716.245.431
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.995.706.667.059	1.819.735.094.670

Người lập:


Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	22	2.510.825.145.928	2.052.247.764.060
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	(19.945.210.196)	(17.722.522.132)
Doanh thu thuần	10	22	2.490.879.935.732	2.034.525.241.928
Giá vốn hàng bán	11	23	(1.282.117.010.705)	(1.015.992.884.307)
Lợi nhuận gộp	20		1.208.762.925.027	1.018.532.357.621
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	48.895.136.206	40.566.222.890
Chi phí tài chính	22	25	(7.182.687.737)	(3.408.205.843)
Chi phí bán hàng	24		(558.862.870.510)	(483.629.769.106)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(185.188.217.125)	(134.944.063.183)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		506.424.285.861	437.116.542.379
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	26	9.934.185.563	9.233.695.237
Chi phí khác	32	27	(15.391.090.405)	(8.223.688.183)
Lỗ từ công ty liên kết		10	(10.025.671.093)	(3.981.996.715)
Lợi nhuận trước thuế	50		490.941.709.926	434.144.552.718

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	50		490.941.709.926	434.144.552.718
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	28	(72.903.779.886)	(51.233.929.515)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	28	1.724.228.543	424.611.128
Lợi nhuận thuần	60		419.762.158.583	383.335.234.331
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	21	4.235.578.682	2.172.986.662
Chủ sở hữu của Công ty	62		415.526.579.901	381.162.247.669
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	6.382	5.883

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.658.004.486	29.744.900.881	330.992.386.888	1.010.375.905.079
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(136.800.000)	-	-	-	(136.800.000)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	-	-	91.350.000	-	-	-	91.350.000
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	199.671.438.257	34.470.512.052	(234.141.950.309)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(35.355.144.112)	(35.355.144.112)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(11.435.093.496)	(11.435.093.496)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	381.162.247.669	381.162.247.669
Cổ tức	-	-	-	-	-	(66.880.340.000)	(66.880.340.000)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	364.342.106.640	1.280.322.125.140
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000	-	-	-	-	-	2.500.000.000
Cổ phiếu thưởng	380.134.670.000	(378.761.392.824)	-	(1.373.277.176)	-	-	-
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	83.427.883.317	2.326.208.730	(85.754.092.047)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(45.937.137.077)	(45.937.137.077)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(10.199.508.489)	(10.199.508.489)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	415.526.579.901	415.526.579.901
Cổ tức (thuyết minh 30)	-	-	-	-	-	(260.665.196.000)	(260.665.196.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	651.764.290.000	-	(455.850.000)	286.384.048.884	66.541.621.663	377.312.752.928	1.381.546.863.475

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã Thuyết số minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	490.941.709.926	434.144.552.718
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	53.597.351.298	41.463.499.111
Các khoản dự phòng	03	(1.012.042.080)	3.059.549.639
Lãi thanh lý tài sản cố định	05	(1.759.732.840)	(1.279.976.595)
Lãi thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	05	(1.546.692.690)	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06	(42.396.733.860)	(36.691.910.145)
Chi phí lãi vay	07	2.038.850.925	2.010.709.744
Lỗ từ công ty liên kết	08	10.025.671.093	3.981.996.715
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	09	509.888.381.772	446.688.421.187
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	10	(4.747.452.261)	(135.931.407.222)
Biến động hàng tồn kho	11	(169.735.622.065)	(38.548.783.964)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	12	71.282.343.851	74.342.048.312
Biến động chi phí trả trước	13	(148.437.007)	(749.653.721)
		406.539.214.290	345.800.624.592
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.967.602.123)	(2.182.859.688)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(86.291.647.569)	(57.225.908.675)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(54.835.562.835)	(28.167.068.454)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20	263.444.401.763	258.224.787.775

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(256.260.211.277)	(124.759.054.121)
Tiền thu từ điều chỉnh giá mua quyền sử dụng đất	22	-	5.491.223.499
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	5.487.880.667	6.110.475.532
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23	(1.035.537.465)	(5.095.308.180)
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	24	5.999.720.820	-
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	25	-	16.037.166.667
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	26	-	(13.615.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	27	13.500.000.000	157.550.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	28	44.015.852.247	41.441.782.023
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(188.292.295.008)	(74.231.164.580)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	2.500.000.000	2.591.350.000
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(136.800.000)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	48.180.001.906	39.476.967.542
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39.866.813.555)	(100.654.216.701)
Tiền trả cổ tức	35	(261.400.196.000)	(66.880.340.000)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40	(250.587.007.649)	(125.603.039.159)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(175.434.900.894)	58.390.584.036
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	642.519.118.992	584.128.534.956
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70 3	467.084.218.098	642.519.118.992

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

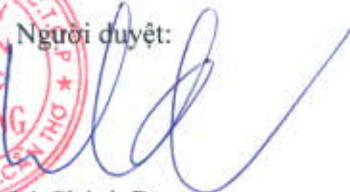
CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

	2011 VND	2010 VND
Phát hành cổ phiếu thưởng bằng thặng dư vốn và quỹ đầu tư và phát triển	380.134.670.000	-
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	-	13.848.944.240

Người lập:


Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc



ngày 20 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011	100%	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 642041000005 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 16 tháng 8 năm 2010	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 2.629 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.428 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lãi chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 5 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

(c) Niên độ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính được thuyết minh theo Thông tư 210 không yêu cầu thuyết minh số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(e) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(g) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(i) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 16 năm.

(n) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Nâng cấp tài sản thuê

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 50 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản cố định hữu hình theo luật Việt Nam khi nguyên giá của chúng thấp hơn 10 triệu VND được phân loại như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(o) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(s) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc trích lập hàng năm vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(t) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được ghi vào nguyên giá của tài sản này.

(w) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(x) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	42.974.727.829	39.653.513.720
Tiền gửi ngân hàng	294.568.181.502	246.852.228.095
Tiền đang chuyển	6.072.016.414	-
Các khoản tương đương tiền	123.469.292.353	356.013.377.177
	467.084.218.098	642.519.118.992

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 10.810 triệu VND (31/12/2010: 5.067 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng bao gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ các công ty liên kết	356.765.200	736.208.259
Phải thu từ các bên thứ ba	340.229.001.570	305.983.528.252
	340.585.766.770	306.719.736.511

Các khoản phải thu không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Phải thu khác bao gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí hoa hồng trả trước	57.935.895.745	77.087.927.595
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	-	1.092.298.387
Các khoản cho vay (*)	2.116.867.671	7.081.051.026
Phải thu từ cán bộ công nhân viên	11.104.178.590	12.499.149.208
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	-	13.848.944.240
Phải thu khác	2.016.127.299	5.900.681.966
	73.173.069.305	117.510.052.422

(*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 14% trong năm (2010: từ 0,7% đến 12,0%).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	6.225.376.152	3.437.575.954
Tăng dự phòng trong năm	392.832.822	4.878.517.706
Hoàn nhập	(3.048.679.942)	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(717.006.925)	(2.090.717.508)
Số dư cuối năm	2.852.522.107	6.225.376.152

Số dư của các khoản phải thu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu này.

Tình trạng rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản phải thu tối đa khách hàng có thể có mà không cần sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc. Hạn mức tín dụng này được xem xét lại từng năm. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày trên hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán trước khi được phép mua thêm. Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ nợ xấu trong quá khứ, Công ty tin rằng ngoài khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu, sau khi trừ dự phòng:

	31/12/2011 VND
Nợ trong hạn	303.025.596.939
Quá hạn 0 – 30 ngày	56.692.003.025
Quá hạn 31 – 180 ngày	48.703.096.059
Quá hạn 181 – 365 ngày	2.222.303.052
Quá hạn trên 365 ngày	263.314.893
	410.906.313.968

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	84.006.950.234	50.952.551.152
Nguyên vật liệu	183.598.965.379	130.967.195.036
Sản phẩm dở dang	39.470.249.494	39.156.811.367
Thành phẩm	204.667.633.456	101.410.778.366
Hàng hóa	7.002.598.909	24.076.160.744
Hàng gửi đi bán	1.114.690.097	3.561.968.839
	519.861.087.569	350.125.465.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.669.661.795)	(3.025.856.755)
	515.191.425.774	347.099.608.749

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	3.025.856.755	4.844.824.822
Tăng dự phòng trong năm	1.643.805.040	59.888.644
Hoàn nhập	-	(1.878.856.711)
Số dư cuối năm	4.669.661.795	3.025.856.755

6. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.995.583.961	329.324.641
Thuế khác	112.558.850	110.460.634
	4.108.142.811	439.785.275

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	72.184.355.852	133.385.719.347	63.068.489.172	41.560.239.652	310.198.804.023
Tăng trong năm	3.715.363.891	26.770.131.485	9.236.257.306	8.660.221.968	48.381.974.650
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	42.952.515.353	21.275.879.887	16.270.339.136	3.695.388.826	84.194.123.202
Chuyển từ bất động sản đầu tư	7.784.646.717	-	-	-	7.784.646.717
Thanh lý	(25.053.087)	(2.424.714.598)	(3.710.439.564)	(1.022.857.285)	(7.183.064.534)
Xóa sổ	(94.652.940)	-	(21.579.545)	(29.462.857)	(145.695.342)
Số dư cuối năm	126.517.175.786	179.007.016.121	84.843.066.505	52.863.530.304	443.230.788.716
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.033.555.433	75.249.594.229	23.077.226.666	24.997.633.019	142.358.009.347
Khấu hao trong năm	9.849.917.060	22.657.987.106	11.357.644.168	6.281.561.814	50.147.110.148
Chuyển từ bất động sản đầu tư	1.327.764.597	-	-	-	1.327.764.597
Thanh lý	(4.386.232)	(2.301.646.610)	(2.482.246.944)	(1.002.489.566)	(5.790.769.352)
Xóa sổ	(94.652.940)	-	(17.982.900)	(29.462.857)	(142.098.697)
Số dư cuối năm	30.112.197.918	95.605.934.725	31.934.640.990	30.247.242.410	187.900.016.043
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	53.150.800.419	58.136.125.118	39.991.262.506	16.562.606.633	167.840.794.676
Số dư cuối năm	96.404.977.868	83.401.081.396	52.908.425.515	22.616.287.894	255.330.772.673

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 58.893 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 38.370 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	78.385.513.595	50.054.670.807	3.454.792.410	131.894.976.812
Tăng trong năm	27.854.936.063	-	2.192.826.645	30.047.762.708
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	1.099.000.000	-	1.099.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.540.241.968	-	2.540.241.968
Thanh lý	(2.332.256.000)	-	-	(2.332.256.000)
Số dư cuối năm	103.908.193.658	53.693.912.775	5.647.619.055	163.249.725.488
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	2.924.199.102	1.092.581.950	4.016.781.052
Khấu hao trong năm	-	1.119.677.083	702.986.951	1.822.664.034
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	32.970.006	-	32.970.006
Số dư cuối năm	-	4.076.846.191	1.795.568.901	5.872.415.092
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	78.385.513.595	47.130.471.705	2.362.210.460	127.878.195.760
Số dư cuối năm	103.908.193.658	49.617.066.584	3.852.050.154	157.377.310.396

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	7.719.996.731	5.262.347.125
Tăng trong năm	125.929.691.161	53.323.320.684
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(84.194.123.202)	(47.966.140.336)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.540.241.968)	(2.784.450.098)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(168.915.150)	(115.080.644)
Số dư cuối năm	46.746.407.572	7.719.996.731

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	7.784.646.717
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.784.646.717)
Số dư cuối năm	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.327.764.597
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.327.764.597)
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	6.456.882.120
Số dư cuối năm	-

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	4.986.282.266	4.138.773.359
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	-	11.953.307.310
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	5.100.000.000	16.500.000.000
	10.086.282.266	32.592.080.669
Đầu tư dài hạn khác vào		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu	70.000.000	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	11.901.050.200	11.901.050.200

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	32.592.080.669	23.868.187.384
Đầu tư mới trong năm	-	13.615.000.000
Thanh lý đầu tư trong năm	(11.953.307.310)	(157.550.000)
Lỗ thuần từ các công ty liên kết	(10.025.671.093)	(3.981.996.715)
Cổ tức	(526.820.000)	(751.560.000)
	10.086.282.266	32.592.080.669

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.247.686.519	20.182.729.935	-	22.430.416.454
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	168.915.150	-	168.915.150
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(1.066.029.994)	-	(1.066.029.994)
Tăng trong năm	-	467.018.600	73.427.091	540.445.691
Phân bổ trong năm	(542.261.912)	(1.059.808.778)	(25.506.426)	(1.627.577.116)
Số dư cuối năm	1.705.424.607	18.692.824.913	47.920.665	20.446.170.185

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Khoản vay từ nhân viên của Tập đoàn (*)	21.115.601.324	12.802.412.973

(*) Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất tháng từ 1,10% đến 1,15% (2010: từ 0,55% đến 1,15%) trong năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

14. Phải trả người bán

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả các công ty liên kết	2.024.000.000	2.682.823.414
Phải trả các bên thứ ba	121.594.564.257	83.607.877.367
	123.618.564.257	86.290.700.781

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.353.466.431	2.808.815.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.253.439.110	18.975.047.473
Thuế thu nhập cá nhân	16.267.959.957	18.212.761.047
Các loại thuế khác	422.759.814	22.599.873
	28.297.625.312	40.019.223.841

16. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Giảm giá hàng bán	108.460.753.247	90.204.223.053
Chi phí khuyến mại	45.510.216.128	48.374.527.539
Chi phí hội thảo	1.923.656.378	16.328.505.475
Chi phí quảng cáo	174.805.673	3.406.570.664
Lãi vay phải trả	393.485.351	322.236.549
Các chi phí phải trả khác	9.468.125.461	10.145.042.154
	165.931.042.238	168.781.105.434

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội Cổ đông của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	25.010.163.988	4.478.531.394	29.488.695.382
Trích quỹ	46.154.435.743	10.287.653.617	56.442.089.360
Sử dụng quỹ	(28.747.030.157)	(12.636.054.973)	(41.383.085.130)
Số dư cuối năm	42.417.569.574	2.130.130.038	44.547.699.612

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	21.163.637.977
Trích lập dự phòng trong năm	18.236.284.204
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.580.936.660)
Số dư cuối năm	33.818.985.521

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 1.887 triệu VND (2010: 1.185 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	37.857.790.502
Sử dụng quỹ trong năm	(13.452.477.705)
Số dư cuối năm	24.405.312.797

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	65.176.429	651.764.290.000	26.912.962	269.129.620.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	38.013.467	380.134.670.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(3.040)	(136.800.000)
Cổ phiếu quỹ phát hành lại	-	-	2.030	91.350.000
Số dư cuối năm	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000

Vào tháng 7 năm 2011, 38.013.964 cổ phiếu thưởng đã được phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo nguyên tắc 1,4 cổ phiếu mới cho mỗi cổ phiếu hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông vào ngày 29 tháng 4 năm 2011.

21. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	8.716.245.431	7.780.847.035
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	4.235.578.682	2.172.986.662
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	(217.298.666)	(790.438.688)
Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị tính cho cổ đông thiểu số	(88.145.128)	(447.149.578)
Cổ tức	(735.000.000)	-
Số dư cuối năm	11.911.380.319	8.716.245.431

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	2.324.656.400.216	1.914.860.239.187
▪ Hàng hóa đã bán	99.353.230.052	62.371.335.200
▪ Cung cấp dịch vụ	8.509.276.377	5.556.561.333
▪ Hàng khuyến mại	78.306.239.283	69.459.628.340
	2.510.825.145.928	2.052.247.764.060
Các khoản giảm trừ		
▪ Chiết khấu thương mại	(338.267.075)	(16.626.659)
▪ Hàng bán bị trả lại	(19.606.943.121)	(17.705.895.473)
	(19.945.210.196)	(17.722.522.132)
Doanh thu thuần	2.490.879.935.732	2.034.525.241.928

23. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Thành phẩm đã bán	1.109.249.378.574	892.839.487.113
Hàng hóa đã bán	87.956.779.109	54.495.195.205
Chi phí dịch vụ	7.102.057.130	5.020.671.070
Hàng khuyến mãi	76.164.990.852	65.456.498.986
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.643.805.040	(1.818.968.067)
	1.282.117.010.705	1.015.992.884.307

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	41.907.995.760	36.238.257.854
Cổ tức	488.738.100	453.652.291
Lãi từ thanh lý công ty liên kết	1.546.692.690	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.951.709.656	3.874.312.745
	48.895.136.206	40.566.222.890

25. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	2.038.850.925	2.010.709.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.000.720.822	1.325.496.099
Chi phí tài chính khác	143.115.990	72.000.000
	7.182.687.737	3.408.205.843

26. Thu nhập khác

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập từ bán phế liệu	570.030.518	671.181.077
Thu từ thanh lý tài sản cố định	5.487.880.667	6.110.475.532
Thu nhập khác	3.876.274.378	2.452.038.628
	9.934.185.563	9.233.695.237

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

27. Chi phí khác

	2011 VND	2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	3.728.147.827	4.715.418.293
Chi phí sửa chữa và thay thế tài sản hư hỏng	7.073.639.168	-
Thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	-	115.080.644
Chi phí tài trợ các bệnh viện	-	1.808.227.452
Chi phí khác	4.589.303.410	1.584.961.794
	15.391.090.405	8.223.688.183

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên những khoản mục như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản dự phòng	3.300.000.000	2.063.574.358
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.209.693.831	1.721.890.930
	5.509.693.831	3.785.465.288

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	72.071.027.668	51.233.929.515
Dự phòng thiếu trong năm trước	832.752.218	-
	72.903.779.886	51.233.929.515
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoãn nhập chênh lệch tạm thời	(1.724.228.543)	(424.611.128)
	71.179.551.343	50.809.318.387

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	490.941.709.926	434.144.552.718
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	122.735.427.482	108.536.138.180
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.330.264.667	4.117.480.152
Thu nhập không chịu thuế	(122.184.525)	(113.413.073)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	995.499.179
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(55.596.708.499)	(62.726.386.051)
Dự phòng thiếu trong năm trước	832.752.218	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	71.179.551.343	50.809.318.387

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2014 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

Các công ty con

Ngoại trừ Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT, Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST và Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu, các công ty khác trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG ("In Bao bì DHG")

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, In Bao bì DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của In Bao bì DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2012.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT ("Dược phẩm HT")

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm HT có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm HT cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2016.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (“Dược liệu DHG”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược liệu DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược liệu DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2013.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST (“Dược phẩm ST”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm ST có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm ST cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2014.

Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu (“Dược Sông Hậu”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược Sông Hậu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2019 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược Sông Hậu cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2010 đến năm 2014.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	415.526.579.901	381.162.247.669

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành

	2011	2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	26.902.832	26.653.842
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2010	-	(1.754)
Ảnh hưởng của cổ phiếu tái phát hành tháng 6 năm 2010	-	1.185
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 7 năm 2010	-	125.342
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2010	-	(362)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 4 năm 2011	188.356	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành tháng 8 năm 2011	38.013.467	38.013.467
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	65.104.655	64.791.720

30. Cổ tức

Đại hội Cổ đông của Công ty ngày 29 tháng 4 năm 2011 quyết định chia cổ tức của năm 2010 là 222.403 triệu VND bằng tiền mặt, trong đó bao gồm cổ tức giữa niên độ là 26.903 triệu VND đã trả trong năm 2010 (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 27 tháng 10 năm 2010) và cổ tức cuối năm là 195.500 triệu VND (30% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 22 tháng 7 năm 2011). Ngoài ra, cuộc họp Hội đồng Quản trị vào ngày 29 tháng 10 năm 2011 quyết định chia cổ tức giữa niên độ cho năm 2011 là 65.165 triệu VND (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 17 tháng 11 năm 2011).

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các cán bộ điều hành.

Giao dịch chủ yếu với các công ty liên kết

Ngoài số dư với các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên kết:

	2011 VND	2010 VND
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua nguyên vật liệu	518.910.500	1.250.115.000
Thu nhập cổ tức	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hào		
Mua nguyên vật liệu	11.863.000.000	8.319.400.000
Phí gia công	526.820.000	-

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	2011 VND	2010 VND
Tiền lương	2.207.133.462	2.103.276.605
Thù lao	4.120.000.000	1.748.019.000
Thưởng	1.877.631.912	3.323.300.000
	8.204.765.374	7.174.595.605

32. Các cam kết

(i) Cam kết mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	698.955.443.787	338.828.702.009
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	17.697.277.500	56.351.141.008
	716.652.721.287	395.179.843.017

(ii) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu đối với các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	1.109.637.000	2.828.559.996
Từ hai đến năm năm	858.500.000	4.156.810.442
	1.968.137.000	6.985.370.438

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

33. (Nợ phải trả)/tài sản thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các khoản (nợ phải trả)/tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	271.766	182.918
Phải thu khách hàng	91.257	-
Phải trả người bán	(3.336.160)	(87.659)
	(2.973.137)	95.259

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2011 VND
USD 1	21.036
EUR 1	27.670

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần tại ngày 31/12/2011 VND
USD (8% mạnh thêm) – giảm lợi nhuận thuần	(4.690.718.245)
EUR (8% mạnh thêm) – tăng lợi nhuận thuần	39.537.248

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.243.906.349.046	921.705.671.578
Chi phí nhân công và nhân viên	584.526.314.132	456.355.377.514
Chi phí khấu hao và phân bổ	53.597.351.298	41.463.499.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.673.366.751	259.363.536.006
Các chi phí khác	96.739.906.184	105.979.303.029

Người lập:


 Đặng Phạm Huyền Nhung
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Lê Chánh Đạo
 Phó Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2012